

Văn bia ở Nam Định -

CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

PHẠM THỊ CƯ - TRẦN QUANG MINH

Nam Định quê hương của nhà Trần, lấy lòng hào khí Đông A. Nơi đây là một vùng kinh tế với những sắc thái riêng, một địa bàn trọng yếu, có vị thế hết sức đặc biệt trong suốt diễn trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Trải bao đời, Nam Định đã trở thành miền quê giàu truyền thống văn hiến, một vùng văn hoá đặc sắc. Những dấu tích, di tích tại Nam Định đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc lưu giữ, truyền bá các giá trị văn hoá từ đời này qua đời khác.

Như chúng ta thường hiểu, mỗi di tích đều hàm chứa nhiều yếu tố: Địa điểm kỷ niệm, công trình tưởng niệm, nghệ thuật chạm khắc với môi trường và những di vật kèm theo. Trong đó ở Nam Định nổi lên là văn bia trong các di tích, một loại di vật, cổ vật đặc biệt đang cần được bảo tồn giữ gìn và phát huy tác dụng.

Qua các đợt khảo sát, kiểm kê, xây dựng hồ sơ công nhận xếp hạng di tích, đến nay tỉnh Nam Định đã có 866 văn bia được sao chép, phiên âm, dịch nghĩa, chú giải (trong đó có 260 thạc bản)(1), phục vụ cho nhiều công trình nghiên cứu khoa học của tỉnh và Trung ương. Số văn bia này hiện được lưu giữ ở hầu hết các di tích: Đình, đền, chùa, miếu, phủ, lăng mộ,

cầu, văn chỉ, nhà thờ họ... Văn bia Nam Định có số lượng tương đối lớn, thể loại và niên đại khá phong phú.

1- Văn bia thời Lý:

Triều Lý thành lập vào năm 1010 không chỉ đơn giản là sự thay vương triều mà thực sự là một bước ngoặt trong tiến trình lịch sử Việt Nam, mở ra thời kỳ phát triển mới cho dân tộc. Là một vương triều thực thi những chính sách có phần cởi mở, triều Lý đã đưa quốc gia Đại Việt vào một thời kỳ phát triển rực rỡ. Cùng với sự chuyển mình của cả nước, Nam Định vốn từng là vùng đất căn bản dưới thời Ngô, Đinh và tiền Lê đã nhanh chóng trở thành một vùng trọng yếu của quốc gia Đại Việt thời Lý.

Nằm trong lộ Hải Thanh, phủ Ứng Phong, ở đây có vùng đất Giao Thủy (có nghĩa vùng nước ngọt và mặn giao nhau khi triều lên), như một yếu tố tạo điểm giao thoa văn hoá. Đây là nơi sinh sống của cư dân vạn chài, với cảnh trao đổi buôn bán trên bến dưới thuyền, tạo nên sự năng động trong đời sống kinh tế và sự đa dạng, phong phú trong diện mạo văn hoá.

Tại chùa Nghĩa Xá (Viên Quang tự) nay thuộc xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định còn lưu giữ một tấm bia thời Lý. Bia

soạn khắc năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 3 (1122), có đầu đề ở lòng bia: "Viên Quang tự bi minh tính tự" do đại pháp sư Giác Hải cho khắc ở một mặt. Lịch sử chùa cho biết, khởi đầu chùa gọi là chùa Diên Phúc, dựng bên bờ nam của một nhánh sông Hồng thuộc hương Giao Thủy, huyện Giao Thủy, lộ Thiên Trường. Chùa được khởi dựng từ năm Tân Sửu niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (1121) đến năm Nhâm Dần (1122) thì xong.

Năm Chính Long Bảo Ứng thứ 5 (1167), vua Lý Anh Tông xuống chiếu trùng tu, đổi tên hương Giao Thủy thành Hộ Xá, tên chùa thành Viên Quang. Đến đời Nguyễn, niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1865) sông lở sát chùa nên chùa được dời vào đất của làng Hộ Xá, về sau Hộ Xá đổi thành Nghĩa Xá cho đến ngày nay.

Nội dung văn bia có ghi: "Kim Viên Quang tự giả, tức Lý Anh Tông chi sở sáng" có nghĩa là: Chùa Viên Quang này là do vua Lý Anh Tông sáng lập. Tuy vậy, vẫn còn một số ý kiến của các nhà nghiên cứu chưa thống nhất về niên hiệu của văn bia này, cho rằng: "Xét về mặt nội dung nhiều khả năng được tạo dựng dưới thời Lý Cao Tông (1176 - 1210)(2)...

Thiền sư Giác Hải là người trụ trì tại ngôi chùa Viên Quang, tu hành đặc đạo, được vua Lý quý trọng. Văn bia ghi rõ: "Chúng sinh đã hoá độ. Thiền sư đã già nua. Người bèn chống gậy lại làng xưa, xuôi thuyền về quê cũ. Xem đất đẹp đầu rồng... muôn khoảnh mây vàng giải đất, phía sau rộng lớn, nghìn trùng sóng biếc liên trời". Như vậy, chùa Viên Quang xưa có cảnh sắc thật đẹp, và hiện nay chúng ta vẫn biết được ở quê hương Giao Thủy của thiền sư có một ngôi chùa lớn được xây vào thời Lý. Nghiên cứu nội dung văn bia, chúng ta còn biết thêm về thân thế sự nghiệp của Thiền sư Giác Hải: "... ra đời nơi thôn xóm, nhân từ, trí khác kẻ man di như nhược. Như hoa sen vượt trên bùn đọng, hương tỏa hiên lam, như gốc tùng mọc dưới đáy khe, sắc vờn trời biếc". Giác Hải Thiền sư là bậc đã đặc đạo bồ đề, tâm chân ngời sáng, thiền sư họ Nguyễn nhưng được phong Quốc tính là Lý Giác Hải. Mặc dù ở Nam Định hiện nay chỉ còn "độc nhất vô nhị" tấm bia thời Lý dựng tại chùa Viên Quang, nhưng phần nào bia cũng đã giúp chúng ta hiểu thêm về vai trò quan trọng của Phật giáo đương thời. Sự hưng thịnh của Phật giáo có quan hệ mật thiết đến

chính sự, đời sống kinh tế - xã hội và phát triển văn hoá. Các sư tăng là tầng lớp trí thức được triều đình trọng đãi. Sự hiện diện của những ngôi chùa lớn ở vùng đất Giao Thủy, tỉnh Nam Định như chùa Viên Quang do Thiền sư Giác Hải trụ trì, chùa Cổ Lễ với Thiền sư Minh Không, chùa Keo - Hành Thiện do Thiền sư Không Lộ sáng lập. Đó là những đại pháp sư được vua sùng ái, thường xuyên được mời vào kinh hoặc đến chùa vấn kế... chúng tỏ đây là nơi tụ đủ những điều kiện làm tiền đề sản sinh ra những nhân tài danh tiếng được cả nước biết đến.

2- Văn bia thời Trần:

Trị vì đất nước 175 năm, triều Trần đã có những đóng góp hết sức lớn lao với lịch sử dân tộc. Những kinh nghiệm và tư tưởng chỉ đạo được đúc kết qua ba cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông đã trở thành di sản quý giá, nâng cao trình độ nghệ thuật quân sự Việt Nam; góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc sau này. Với hào khí Đông A, triều đại này đã đưa đất nước vào một thời kỳ thịnh trị bằng những thành tựu đặc sắc trên mọi phương diện: Quân sự, kinh tế, văn hoá. Những người con ưu tú của đất Nam Định thời Trần mà tiêu biểu là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, rồi những vị vua anh hùng, những tướng lĩnh tài danh đã trở thành những vị thánh trong lòng dân, được phụng thờ ở khắp mọi miền đất nước. Đặc biệt trên quê hương Nam Định còn đậm đặc các di tích văn hoá thời Trần, như di tích đền Trần, chùa Phổ Minh, chùa Đệ Tứ, đền Bảo Lộc, đền Lỵ Phố, đền Hậu Bồi... Song, do hoàn cảnh lịch sử với những cuộc giao tranh ác liệt, hoặc do ngoại xâm... nhất là sau khi nhà Trần suy vong thì không ít chứng tích của nền văn hoá dân tộc bị chôn vùi, phá huỷ. Vì vậy, nguồn tư liệu văn bia viết dưới thời Trần không tránh khỏi nạn chung đó, dẫn đến tình trạng mai một, thất tán, để hiện nay chỉ còn lại hai tấm có niên đại vào thế kỷ XIII.

* Đó là tấm bia: "Phụng Dương công chúa thần đạo bi minh tính tự", dựng ở đình Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc. Bia do Hàn lâm thị giảng Nguyễn Sĩ Lâm soạn, Hàn lâm hiệu thư lang đại niệm Chu Thiện Chừng khắc, Kim tử vinh lộc đại phu hiệu bảo, kiêm tri kiểm định thiên hạ trọng trạng ty Lê Cung Viên soạn, ngày 12 tháng 4 năm Quý Ty, niên hiệu Hưng

Long năm đầu (1293).

Nội dung bia ghi rõ, Phụng Dương công chúa là vợ của thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải, là con của tướng quốc Thái sư Trần Thủ Độ. Bài văn bia ca ngợi công đức của bà với nội dung: Công, dung, ngôn, hạnh tiêu biểu cho phụ nữ thời Trần ở thế kỷ XIII. Với những dòng khắc thật sâu sắc: Con đã về làm vợ Thái sư, được hoà hợp hay không là do mình mà thôi. Ý của cha mẹ, con cái cố nhiên không được cưỡng lại. Nhưng nghĩa phải theo chồng thì thế nào? công chúa thờ chồng một lòng kính thuận... vốn có lòng nhân từ bác ái, không phân biệt con vợ lẽ, vợ cả... công chúa thân yêu họ hàng nội ngoại, những ai không có tài thì thà cho tiền của chứ không dám trao cho trọng trách. Đó là công chúa lòng không riêng tư... cư

xử như thế, các bậc liệt phụ thời xưa cũng không hơn được...

Qua một phụ nữ quý tộc, nội dung bài văn bia đã bộc lộ rõ nét những tư tưởng Nho giáo về "Tam tông", "Tứ đức". Như vậy, dấu ấn Nho giáo đã được khắc trên văn bia đã nói lên niềm tin, đặc biệt với những yếu tố có phần tích cực ở đương thời. Di tích đình Cao Đài, nơi thờ thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải và Phụng Dương công chúa, hiện chỉ mang phong cách kiến trúc nghệ thuật thời hậu Lê (thế kỷ XVII-XVIII). Đình được dựng ở thái ấp của Trần Quang Khải, là nơi có vị trí quân sự quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông lần thứ hai của vương triều Trần (1285). Nơi có mối liên quan mật thiết với cung Trùng Quang, Trùng Hoa - phủ Thiên Trường.

* Tấm bia thời Trần thứ hai, dựng ở chùa Vạn (Sùng Hưng tự), xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, lập năm Hưng Long thứ nhất (1293). Khu vực này đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hoá nghệ thuật truyền thống quan tâm, bước đầu đã tìm được dấu vết lò gốm cổ thời Trần, một số gạch, đồ gốm và cả mảng chạm khắc gỗ có họa tiết mang phong cách nghệ thuật thời Trần.

3- Văn bia thời hậu Lê:

Từ nửa cuối thế kỷ XV, Nam Định được triều đình nhà Lê quan tâm đặc biệt với nhiều chính sách và hoạt động về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá. Nam Định có dòng sông Hồng hàng năm bồi đắp phù sa, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân từng bước mở mang diện



Phù điêu trên bia đá chùa Thọ Tung, Nam Định - Ảnh: H.N

tích canh tác lấn biển. Đến nửa sau thế kỷ XV, trên vùng biển Nam Định đã chứng kiến một công trình to lớn của nhân dân Đại Việt là việc khởi công và hoàn thành đê sông Hồng Đúc.

Trong các thế kỷ XVI - XVIII, Nam Định đã chứng kiến nhiều trận nội chiến giữa Nam và Bắc triều. Về đời sống, trên thực tế chính sách quân điền ban hành từ thời Lê sơ đã phá sản, hiện tượng các loại ruộng đất do nhà Mạc cấp cho các công thần và những người thân thích đã biến thành sở hữu tư nhân, nên việc tiến cúng cho nhà chùa hoặc đem chuyển nhượng trở nên khá phổ biến.

Thực tế tổng số 61 văn bia còn lại trên đất Nam Định, có tới 53 bia hậu và bia công đức tu sửa chùa, đền, lăng, miếu, như bia "Đệ nhị xá bi" ở huyện Mỹ Lộc, lập năm 1554, ghi việc ông bà Đào Tân và Trần Thị cúng vào chùa một mẫu sáu sào ruộng tư. Bia chùa Thanh Quang (1564) ghi việc bà họ Bùi ở xã Phương Đế, huyện Trực Ninh cúng ruộng tư cho chùa. Bia "Hoàng Long điện bi ký" dựng năm 1684 ở xã Hoàng Đan, huyện Ý Yên chép Hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Ý có tới 246 mẫu ruộng các loại. Bà đã cúng cho năm thôn, giáp ở làng 41 mẫu. Bia: "Mông ân báo tự bi" (Bia chịu ơn) tại đền thôn Ba, xã Nam Giang, huyện Nam Trực, lập năm Cảnh Hưng - Ất Mùi (1765) ghi Đoàn Tướng Công tên tự là Phúc Hậu, thụy là Đôn Đức đóng góp 4 mẫu 2 sào ruộng, 120 quan tiền cho làng xây dựng đền.

Mặt khác, để duy trì và bảo vệ cuộc sống, người dân Nam Định đã liên tục khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác. Tham gia khai hoang lúc này ngoài dân bản địa còn có đông đảo cư dân thuộc các trấn, lộ khác. Hầu hết ruộng đất do dân làng tự khai khẩn đều trở thành ruộng tư, do vậy loại hình sở hữu nhỏ của nông dân tự canh ngày càng mở rộng. Tại chùa Phúc Hải, xã Hải Minh, huyện Hải Hậu có bia: "Khải xã bi ký" (Bia ghi việc thành lập xã), lập năm Cảnh Hưng 22 (1761) nói về việc bốn họ Mai, Phạm, Phan, Nguyễn về khai khẩn vùng đất mới, xây dựng làng Phúc Hải. Cùng với việc phát triển nghề nông, các nghề thủ công cũng bắt đầu hình thành, vào thế kỷ XVII - XVIII dẫn tới giao lưu buôn bán mở rộng. Nam Định đã có một mạng lưới chợ khá dày đặc, như: Xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản có bia "Tân lập hoàng tự bi", lập năm Đức Nguyên thứ 2 (1675) nói về

việc thành lập chợ Vàng, một khu vực kinh tế phát triển, giao lưu buôn bán được mở rộng đời sống nhân dân được cải thiện; rồi chợ Ninh Cường, xã Trực Cường, huyện Trực Ninh. Chợ Chùa - Nam Trực; Chợ Gạo-Vụ Bản... sự việc này được ghi chép chi tiết trong: "Hậu Phật bi" (Bia hậu chùa Ninh Cường, xã Trực Cường), lập năm Cảnh Hưng thứ 30 (1769). Tuy nhiên, dù có sự thay đổi về kinh tế - xã hội, triều đại nào cũng muốn dùng Nho giáo làm công cụ thống trị và làm phương tiện để tuyển dụng nhân tài. Nam Định có nhiều người học hành đỗ đạt cao. Tại đền Hưng Thịnh, xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng có tấm bia: "Đồng xã bi ký", lập năm Cảnh Hưng 23 (1762) có nội dung văn bia ca ngợi hai vị tiến sĩ họ Phạm là Phạm Đạo Bảo và Phạm Đạo Phú có công về giúp dân khai hoang lập ấp tại vùng ven biển này.

Ngoài ra sự phục hồi đạo Phật ở vùng Sơn Nam nói chung, Nam Định nói riêng là một điểm nổi trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ở thế kỷ XVI - XVIII. Nhiều chùa được dựng hoặc trùng tu. Những nhà giàu hoặc người không có con thừa tự đã cúng nhiều ruộng hậu cho chùa. Điều ấy cho ta lý giải vì sao trong số 61 văn bia được lập vào thời Lê tại Nam Định đã có tới 53 văn bia ghi chép việc công đức cúng ruộng, tiền vào chùa, như chùa Keo-Hành Thiện, chùa Nghĩa Xá-Xuân Ninh, chùa Phổ Minh-Nam Định đều có văn bia ghi chép việc công đức của nhân dân để trùng tu, tô tượng, đúc chuông...

Thời kỳ này, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian ở Nam Định cũng phát triển, trong đó nổi bật nhất là tục thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh một nét đặc sắc trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

4- Văn bia thời Nguyễn:

Vào đầu thế kỷ XIX, nền kinh tế Việt Nam dưới triều Nguyễn phát triển chậm chạp. Song, cũng đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận, nhất là trong lĩnh vực khai hoang mở rộng diện tích canh tác. Trong những năm đầu của thế kỷ XIX nhiều làng xã của Nam Định được ra đời do các cuộc khai hoang, ở huyện Giao Thủy nhờ hình thức khai hoang do Nguyễn Công Trứ khởi xướng đã có hiệu quả, tổng Hoàn Thu, Hoàn Nha được thành lập, ở huyện Hải Hậu có tổng Ninh Nhất... Dưới thời Nguyễn, tại Nam Định đã có tới 693 bia với nội dung phong phú, như:

- Bia nói về lịch sử lập làng xã: Tại chùa Tự Lạc, thuộc tổng Hoàn Thu có bia Sùng Ninh, lập năm Minh Mệnh 21 (1840) ghi rõ việc lập làng.

Cùng với huyện Hải Hậu và Giao Thủy, nhân dân Nghĩa Hưng cũng đẩy mạnh công cuộc khai hoang lấn biển, lập tổng Sỹ Lâm bao gồm 11 làng. Nội dung văn bia soạn khắc năm Tự Đức 25 (1872) ghi chép việc mở mang dựng trại và dựng đền thờ tại trại Sỹ Lâm - huyện Nghĩa Hưng.

Bia đền Doãn Khuê, xã Nghĩa Thành lập năm Tự Đức 25 (1872) ghi chép về cuộc đời của tiến sĩ Doãn Khuê và việc khai hoang miền đất ven biển Nghĩa Hưng. Tại đền Trần, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu lập bia năm Tự Đức 26 (1873) nói về việc thủy tổ họ Trần có công khai khẩn đất Quần Anh.

- Bia dựng cầu: Hiện nay Nam Định còn bảo lưu 15 bia đá ghi việc dựng cầu. Với mạng lưới sông ngòi chằng chịt cùng việc phát triển mạnh về kinh tế, nên hệ thống giao thông thủy đã sớm được quan tâm, mà một biểu hiện là việc dựng những cây cầu đá, cầu ngói cổ, như văn bia cầu đá giáp Nam Cựu, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, lập năm 1853 đã chứng minh cụ thể.

- Bia hậu và bia công đức trùng tu di tích: Hiện có 517 bia.

- Bia ca ngợi người có công dựng làng, giữ nước, học hành đỗ đạt: Tại đình Đan Phượng, xã Giao Yến, huyện Giao Thủy có bia lập năm Tự Đức 31 (1878) ghi việc dựng miếu (đình) Đan Phượng, thờ thành hoàng Triệu Việt Vương. Bia đền Thượng Lao, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, lập năm Khải Định - Canh Thân (1920) ca ngợi tiến sĩ Lê Hiến Giản và Lê Hiến Tứ. Bia đền Đông Quý, xã Nam Tiến lập năm Bảo Đại - Nhâm Ngọ (1942) ghi việc thờ Triệu Việt Vương. Bia đền Đông, xã Tân Thịnh lập năm Duy Tân thứ 6 (1912) ca ngợi tiến sĩ Đặng Phi Hiến. Bia tại chùa Cổ Lễ, lập năm Tự Đức thứ 9 (1856), nói về trạng nguyên Đào Sư Tích và tiến sĩ Đào Toàn Phú.

Tại chùa Phúc Chỉ, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên có bia: "Phúc Chỉ tự bi ký" lập năm Tự Đức thứ 5 (1852) ghi việc dựng chùa Phúc Chỉ và thờ Trần Nhật Duật, một vị tướng tài của nhà Trần.

Cùng với sự phát triển của Phật giáo và công

đức trùng tu chùa, đền, việc xây dựng phủ thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh tại quần thể di tích Phủ Giầy, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản cũng được các bậc chức sắc, cùng con nhang đệ tử quan tâm công đức đóng góp xây dựng, tu bổ. Bia phủ Tiên Hương lập năm Thành Thái thứ 1 (1901) nói về sự linh thiêng của Thánh Mẫu và việc tu tạo phủ. Bia phủ Tiên Hương lập năm Duy Tân 8 (1914) ghi việc các quan tổng đốc Nam Định cúng tiền tu sửa phủ.

- Văn bia ở Nam Định còn có nội dung nói về việc du nhập đạo Thiên chúa vào đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ở khu vực ven biển. Đó là văn bia tại nhà thờ Sa Châu, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, được lập vào năm Thành Thái thứ 17 (1905) với nội dung ghi việc giáo dân tự xây nhà thờ Sa Châu.

- Qua việc trình bày những giá trị của hệ thống văn bia còn được bảo lưu tại các di tích ở Nam Định, bước đầu có thể tạm rút ra mấy nhận xét sau:

+ Về các giá trị lịch sử - văn hoá: Văn bia Nam Định là nguồn tư liệu quý phục vụ cho việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Định. Văn bia vốn gắn liền với các di tích, tô điểm cho di tích thêm phần cổ kính trang nghiêm. Văn bia đã trở thành một kho tư liệu phong phú với những tên đất, tên người, những sự kiện cụ thể về lịch sử hình thành và phát triển hay những sự kiện cụ thể về cuộc sống, về từng di tích ở mỗi địa phương.

- Về giá trị nghệ thuật: Ngoài những giá trị chung, văn bia Nam Định đã diễn đạt kỹ thuật điêu khắc ở trình độ cao, đặc biệt là trang trí hoa văn và kiểu thức bố cục tạo dáng bia.

Bia đá ở Nam Định là một tài sản văn hoá lớn, với tổng số hiện đang được bảo tồn là 866 tấm. Trên thực tế số lượng bia sẽ còn lớn hơn nhiều nếu chúng ta có những định hướng đúng về công tác sưu tầm, khai thác, để đưa những giá trị ẩn tàng trong các văn bia của Nam Định vào việc tuyên truyền bảo tồn văn hoá dân tộc.

D.T.C - T.Q.M

Chú thích:

1) *Thống kê văn bia tỉnh Nam Định*, BQL Di tích và Danh thắng tỉnh Nam Định năm 2004.

2) *Địa chí Nam Định*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2003, tr 214.